

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU001	9A1	NGÔ VĂN AN	27/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	6.1	5.4	0	17.1
2	AFU000	9A1	NGUYỄN KỲ THIÊN AN	10/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	7.6	8.6	0	24.5
3	AFU002	9A1	TRƯƠNG QUỐC ANH	09/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.6	9	0	25.5
4	AFU003	9A1	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	11/04/2006	Quảng Ngãi	NAM	AV	5.8	6.6	6.3	0	18.7
5	AFU004	9A1	HUỖNH ANH DUY	22/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.3	6.2	5.2	0	16.7
6	AFU005	9A1	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	03/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	8.5	8.8	0	24.3
7	AFU006	9A1	NGUYỄN DUY ĐAN	31/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6	7.4	5.9	0	19.3
8	AFU007	9A1	TRẦN NGỌC ĐẠT	27/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	8.4	9.1	1	27
9	AFU01E	9A1	TRẦN THÀNH ĐẠT	25/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	6.8	7.4	1	21.3
10	AFU008	9A1	LƯƠNG PHẠM THƯỜNG ĐOAN	19/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	8	7	0	22.3
11	AFU009	9A1	LÊ MINH HIẾU	11/06/2006	TTHuế	NAM	AV	7.7	8.3	8.5	0	24.5
12	AFU00B	9A1	LÊ MINH KHOA	06/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	8.3	6.8	0	22.7
13	AFU00C	9A1	TRẦN NGUYỄN ANH KHOA	18/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	6.9	6.2	0	18.6
14	AFU00D	9A1	VÕ ĐÌNH KHÔI	20/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	8	7.2	0	22.3
15	AFU01L	9A1	VÕ HOÀNG LONG	19/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	8.6	8.5	0	24.9
16	AFU00F	9A1	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC MẠNH	22/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	7.2	6.5	0	19.8
17	AFU01R	9A1	HUỖNH LÊ BẢO NGHI	19/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8.9	8.4	0	25
18	AFU00H	9A1	NGUYỄN TRẦN BẢO NGHI	30/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.7	7	1	21.3

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU00J	9A1	HỒ LÊ HỒNG NGỌC	25/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	7.6	7.2	0	20.1
20	AFU00L	9A1	LẠI KHÁNH NGUYỄN	14/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	8.4	9.2	0	26.3
21	AFU00K	9A1	TRẦN ĐẶNG LINH NGUYỄN	27/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	7.1	7.9	1	22.5
22	AFU00N	9A1	HUỲNH DƯƠNG NHI	26/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.4	7.4	6.1	0	18.9
23	AFU00O	9A1	LÊ UYÊN NHI	17/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.9	7.6	7.1	0	20.6
24	AFU00P	9A1	ĐỖ LÊ TIẾN PHÁT	15/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	6.7	7.2	0	20
25	AFU00Q	9A1	TẠ MINH QUANG	26/09/2006	Hải Phòng	NAM	AV	5.8	8.2	6.4	0	20.4
26	AFU00R	9A1	PHAN MINH QUÂN	18/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	6	8	0	22
27	AFU00S	9A1	TRỊNH QUÁCH NHẬT QUỲNH	13/06/2006	Kiên Giang	NỮ	AV	5.8	8	7.5	1	22.3
28	AFU00U	9A1	PHAN QUỐC THÀNH	19/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	8.1	8.9	1	26.5
29	AFU00V	9A1	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	19/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	8.2	7.2	0	21.4
30	AFU00W	9A1	HOÀNG ĐỨC THIÊN	05/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.6	8	7.2	0	20.8
31	AFU00X	9A1	PHẠM ĐÌNH THỊNH	28/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	9	8.3	9.6	0	26.9
32	AFU00Y	9A1	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	08/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	7.3	8.1	0	22.7
33	CFU07I	9A1	TRẦN BẢO THỊNH	11/12/2006	Lâm Đồng	NAM	AV	7.5	7.8	7.7	1	24
34	AFU00Z	9A1	LƯU THANH VŨ THỦY	25/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.7	7	8	0	20.7
35	AFU011	9A1	NGUYỄN NGỌC THỦY TRÂM	27/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	7.7	7.1	1	22.5
36	AFU012	9A1	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	02/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	7.1	6.8	0	20.7
37	AFU013	9A1	LÊ THANH TRÚC	25/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.8	8	8.2	0	24
38	AFU014	9A1	ĐẶNG HOÀNG TUẤN	18/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	8.7	9.6	0	27.1

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

39	AFU016	9A1	HUỲNH VƯƠNG TƯỜNG VY	08/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	6.8	6.4	0	18.5
40	AFU015	9A1	NGUYỄN NGỌC THÚY VY	15/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.3	7.7	6.7	0	20.7
41	AFU017	9A1	TẠ GIA VỸ	15/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.4	8.1	9.1	1	26.6

Tổng cộng có tất cả: 41 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU02E	9A2	ĐÀM THỊ HẢI ANH	18/03/2006	Hải Phòng	NỮ	AV	7	7.6	8.1	0	22.7
2	AFU085	9A2	NGUYỄN BÙI DUY ANH	23/12/2006	Đồng Tháp	NAM	AV	5.8	6	3.6	0	15.4
3	AFU018	9A2	VÕ HOÀNG ANH	16/08/2006	Cam Ranh	NAM	AV	7.4	6.7	5.5	0	19.6
4	AFU01C	9A2	NGUYỄN HOÀNG DUY	20/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	6.6	5.5	0	18.4
5	AFU02K	9A2	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	01/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	7.6	7.5	0	21.2
6	AFU051	9A2	TRẦN HUỖNH GIA HUY	14/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.4	7.4	8.3	0	21.1
7	AFU02P	9A2	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	20/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.7	7.1	5.5	0	18.3
8	AFU01I	9A2	TỪ ANH KHÔI	15/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	8.5	9.1	1	27.3
9	AFU06C	9A2	LÊ QUANG KHUÔNG	21/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.8	7.2	5.3	0	19.3
10	AFU01J	9A2	LÂM ÁNH LINH	24/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	7	6.5	1	21
11	AFU00E	9A2	TRẦN ĐẶNG MINH LUÂN	02/12/2006	Đồng Tháp	NAM	AV	5.6	6.8	4.9	0	17.3
12	AFU059	9A2	LÂM TUẤN MINH	12/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	8.5	9.3	1	27.4
13	AFU01O	9A2	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	11/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	8	7.6	0	23.3
14	AFU01S	9A2	TRẦN XUÂN NHẬT	13/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.1	8.1	8.4	0	25.6
15	AFU01T	9A2	LƯU BỘI NHƯ	10/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	8	7.8	1	24.1
16	AFU01V	9A2	PHẠM NGUYỄN QUỲNH NHƯ	10/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.8	6.6	5.1	0	17.5
17	AFU05G	9A2	ĐOÀN HUỖNH KHÁNH PHONG	22/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.2	6.2	6.2	0	18.6
18	AFU02W	9A2	LÂM QUÂN PHÚ	11/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.2	7.1	6.7	1	23

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU05J	9A2	NGUYỄN TRẦN UYÊN PHƯƠNG	11/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	7.4	6.5	0	20.7
20	AFU01Z	9A2	NGUYỄN VŨ UYÊN PHƯƠNG	16/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	8	7	0	22.1
21	AFU01Y	9A2	PHAN TRÚC ĐĂNG PHƯƠNG	28/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.3	5.4	5	0	15.7
22	AFU02Y	9A2	ĐÌNH THANH QUÝ	10/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5	5.7	3.8	0	14.5
23	AFU02Z	9A2	TRẦN PHƯƠNG QUYÊN	16/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	8.3	6.6	0	21.5
24	AFU032	9A2	LÊ THANH TÀI	15/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.8	7.5	8.1	0	22.4
25	AFU030	9A2	PHẠM KIM TÀI	19/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.5	6.3	5.4	0	18.2
26	AFU035	9A2	TRẦN THỊ KIM THẢO	29/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	7.6	6.8	0	20.6
27	AFU036	9A2	LÊ ĐỨC THỊNH	07/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.5	8.8	9	0	26.3
28	AFU037	9A2	MẠCH VÕ QUỐC THỊNH	06/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	7.5	6.8	1	21
29	AFU024	9A2	TRƯƠNG ĐOÀN VŨ THƯỜNG	06/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	8.1	6.8	0	21.5
30	AFU025	9A2	NGUYỄN HOÀNG THÁI TRÂN	27/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.2	6.2	0	21.6
31	AFU028	9A2	TRẦN HOÀI TRỌNG	02/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	8	8.8	0	24.6
32	AFU05S	9A2	CAO CẨM TÚ	01/11/2006	Hà Nội	NỮ	AV	5.8	6.9	7.9	0	20.6
33	AFU02A	9A2	NGUYỄN NHẬT VINH	06/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5	6.6	6.4	0	18
34	AFU02C	9A2	PHẠM HOÀNG BẢO VY	03/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.7	7.5	6.8	0	20

Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU04R	9A3	NGUYỄN HOÀI AN	05/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	5.9	6.5	0	17.6
2	AFU02F	9A3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	11/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	8.5	8.3	0	24.3
3	AFU019	9A3	PHẠM HUỲNH MINH ANH	02/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	7.4	7.8	0	21.2
4	AFU01A	9A3	TRẦN TÚ ANH	23/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5	6.6	4.2	0	15.8
5	AFU02I	9A3	NGUYỄN CHOI HẠ DI	14/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	5.7	3.8	0	14.7
6	AFU02L	9A3	QUÁCH CHÂU ĐỆ	10/11/2006	Kiên Giang	NAM	AV	8.1	8.4	8.2	1	25.7
7	AFU069	9A3	HUỲNH NGỌC KHẢI HÂN	17/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.1	7.1	6.6	1	19.8
8	AFU00A	9A3	NGUYỄN NHỰT HÙNG	16/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	7	5.3	0	17.5
9	AFU050	9A3	LÊ HOÀNG MINH HUY	12/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.8	8.3	8.2	0	23.3
10	AFU02Q	9A3	NGUYỄN VINH KHANG	19/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	7.6	5	0	18.1
11	AFU01P	9A3	NGUYỄN LẠI NGỌC NGÂN	19/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	8.2	7.8	0	23.5
12	AFU02U	9A3	NGUYỄN HOÀN HƯNG PHÁT	26/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	7	7.5	0	20.4
13	AFU02V	9A3	ĐỖ TÍN PHONG	04/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	6.9	6.5	1	20.3
14	AFU01W	9A3	THÂN TRỌNG PHÚC	07/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	7.9	8.3	0	24.2
15	AFU05I	9A3	THÁI THIÊN PHƯỚC	16/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	7.1	8.4	0	22.6
16	AFU05K	9A3	TRẦN DUY QUANG	22/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	6.8	7.6	0	20.5
17	AFU020	9A3	NGUYỄN BẢO SANG	16/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6	6.4	7.3	0	19.7
18	AFU05M	9A3	NGUYỄN VÕ PHAN ANH TÀI	12/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	7.8	5.7	0	19.8

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU00T	9A3	TRẦN HOÀNG QUỐC THÁI	05/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	6.3	6.4	0	18.2
20	AFU021	9A3	TRẦN LÊ THÀNH	06/07/2006	Hà Nội	NAM	AV	7.2	7	7.9	0	22.1
21	AFU023	9A3	VŨ THANH THIÊN	02/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.6	6.4	7.3	0	18.3
22	AFU05Q	9A3	LÊ NGỌC ANH THU	12/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.4	8.2	8.2	0	23.8
23	AFU03C	9A3	BÙI QUỐC TIẾN	14/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	8	8.8	0	23.5
24	AFU027	9A3	ĐẶNG HOÀNG TRỊ	28/10/2006	Vĩnh Long	NAM	AV	5	5.1	3.5	0	13.6
25	AFU03D	9A3	TRẦN NGỌC MAI TRINH	01/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	8	6.5	0	20.7
26	AFU03E	9A3	ĐỖ MINH TRUNG	19/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	7	6.8	0	19.9
27	AFU03F	9A3	LÊ MINH TÙNG	16/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	8.4	9.3	0	26
28	AFU05V	9A3	TRƯƠNG THỊ THANH TUYỀN	26/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8	8.1	0	22.2
29	AFU029	9A3	VÕ NGỌC TUYẾT	14/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	6.1	5.9	0	17.5
30	AFU03H	9A3	TRẦN PHAN MINH VŨ	03/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.6	6.9	6.8	0	19.3
31	AFU0ND	9A3	LÊ NGUYỄN KHÁNH VY	19/10/2006	Đà Nẵng	NỮ	AV	5.6	7.2	7.1	0	19.9
32	AFU02D	9A3	TRẦN THANH TƯỜNG VY	12/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	7.3	7.7	0	21.1

Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU03K	9A4	PHÍ TRỊNH PHƯƠNG ANH	21/11/2006	Hải Phòng	NỮ	AV	8.3	8.7	8.5	0	25.5
2	AFU03L	9A4	ĐẶNG HỒNG ÁNH	27/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.1	8.3	8.6	0	26
3	AFU03M	9A4	LÊ TRỌNG ÂN	17/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.2	7.1	7.1	0	21.4
4	AFU03N	9A4	NGUYỄN NGỌC THÁI BẢO	04/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.2	7.4	9	0	24.6
5	AFU03O	9A4	TRẦN VINH BẢO	05/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6	8.1	7.1	1	22.2
6	BFU0D2	9A4	NGUYỄN DUY CƯỜNG	16/12/2006	Lai Châu	NAM	AV	7	7.7	6.9	0	21.6
7	AFU03P	9A4	TRỊNH THÀNH ĐẠT	16/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	7.2	8.7	0	24.7
8	AFU03Q	9A4	NGUYỄN NGỌC KHÁNH GIANG	09/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9	8.6	8.4	0	26
9	AFU03T	9A4	HUỲNH NGỌC HÂN	07/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.4	7.4	0	24
10	AFU03U	9A4	NGÔ THẢO HÂN	16/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	7.9	7.2	0	23.5
11	AFU03R	9A4	NGUYỄN CAO BẢO HÂN	10/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9	8.6	8.6	0	26.2
12	AFU03S	9A4	NGUYỄN HỒNG GIA HÂN	20/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	8.5	7.3	0	24.7
13	AFU03V	9A4	PHAN HOÀN	29/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.5	7.6	8.7	0	25.8
14	AFU03W	9A4	LÊ NGỌC PHƯƠNG HỒNG	11/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	8.6	9.4	1	27.4
15	AFU03X	9A4	ĐẶNG QUANG HUY	12/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.9	6.9	6.5	0	20.3
16	AFU03Y	9A4	TRẦN QUANG HUY	14/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.3	7.6	0	24
17	AFU03Z	9A4	LÊ VĨNH HƯNG	29/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.9	6.8	8.1	0	23.8
18	AFU041	9A4	LÊ TRẦN MINH KHÔI	06/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.6	7.5	7.5	0	23.6

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU042	9A4	PHẠM TRẦN MAI KHÔI	12/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.5	8.7	0	25.7
20	AFU043	9A4	NGUYỄN AN KHƯƠNG	04/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.9	8.3	8.5	0	25.7
21	AFU044	9A4	NGUYỄN ANDERS MARC	17/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	5.6	5	0	18.9
22	AFU045	9A4	NGUYỄN THẢO MY	21/06/2006	Bình Dương	NỮ	AV	7.8	8.4	7.7	0	23.9
23	AFU046	9A4	LÊ NGỌC KIM NGÂN	11/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	8.8	9.1	0	27.1
24	AFU048	9A4	LÂM PHƯƠNG NGHI	08/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	7.4	7.1	0	23.4
25	AFU047	9A4	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG NGHI	20/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.2	7.1	0	23.8
26	AFU049	9A4	NGUYỄN TRƯỞNG PHƯƠNG NGHI	04/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	6.2	5.2	0	17.9
27	AFU04A	9A4	BÙI NGỌC HẠNH NGUYỄN	01/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	8.2	9.1	0	25.9
28	AFU04B	9A4	NGUYỄN NGỌC MINH NHƯ	21/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.1	8	0	24.1
29	AFU04C	9A4	TIÊU KIM OANH	06/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	7.2	6.7	1	21.8
30	AFU04D	9A4	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	23/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	6.2	5.9	0	18.2
31	AFP07O	9A4	NGUYỄN MINH PHƯỚC	13/12/2006	Tp.HCM	NAM	AV	7.1	7.3	7.2	0	21.6
32	AFU04E	9A4	TẮT NGŨ KIM PHƯƠNG	17/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.7	7.4	7.1	1	23.2
33	AFU04F	9A4	ĐÀO LÊ QUANG	28/08/2006	Long An	NAM	AV	7.3	6.7	8	0	22
34	AFU04G	9A4	TRƯƠNG THANH THÚY	22/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.2	7.8	7.6	0	24.6
35	AFU04H	9A4	TRẦN NGỌC THỦY TIÊN	01/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.2	7.9	0	24.4
36	AFU04I	9A4	DUYNG NGỌC BẢO TRẦN	09/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	8.5	8.8	0	26.1
37	AFU04J	9A4	LÊ KHẢ TÚ	09/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	8.4	8.4	0	25.5
38	AFU04K	9A4	MAI HOÀNG ANH TUẤN	18/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	7.6	7.5	0	23.1

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

39	AFU04L	9A4	PHẠM GIA TUỆ	08/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	8.6	8.5	0	26.5
40	AFU04N	9A4	HUỖNH XUÂN VINH	18/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.2	8	0	24.5
41	AFU04M	9A4	NGUYỄN VĂN VINH	05/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.5	8.6	9.2	0	27.3
42	AFU04O	9A4	LÊ NGUYỄN THẢO VY	08/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	7	6.8	0	20.9
43	AFU04P	9A4	TRẦN THỊ KIỀU XUÂN	27/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.4	8.1	8	0	23.5
44	AFU04Q	9A4	HUỖNH PHI YẾN	06/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.6	8.3	0	25.4

Tổng cộng có tất cả: 44 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU02G	9A5	HUỲNH THIÊN ÂN	17/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	6.2	6.6	0	19.1
2	AFU04S	9A5	HỒ MINH CHÂU	17/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	8.4	7.4	0	22.5
3	AFU066	9A5	LÊ TRỌNG DƯƠNG	22/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.8	7.1	7.6	0	23.5
4	AFU01D	9A5	NGUYỄN NGỌC THÙY DƯƠNG	08/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	5.4	4.9	1	17.8
5	AFU01F	9A5	ĐỖ MINH ĐỨC	17/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.5	6.5	6.6	0	20.6
6	AFU02N	9A5	BÙI THIÊN THANH HIỀN	23/09/2006	Tây Ninh	NỮ	AV	6.7	8	7.1	0	21.8
7	AFU04V	9A5	ĐỖ NGUYỄN TRUNG HIẾU	03/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.6	7.2	7.6	0	21.4
8	AFU04X	9A5	LÊ TRUNG HIẾU	03/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.4	8	7.9	0	23.3
9	AFU04W	9A5	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	10/06/2006	Thanh Hóa	NAM	AV	6.4	8	7.1	0	21.5
10	AFU04Z	9A5	LÝ GIA HUY	25/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	6.5	7.3	1	20.5
11	AFU053	9A5	VƯƠNG ANH KIẾT	01/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.4	6.3	6.3	0	18
12	AFU01M	9A5	NGUYỄN THIÊN LONG	25/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	6.7	6.4	0	20.4
13	AFU056	9A5	ĐẶNG MINH LUÂN	01/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	8.1	9.1	0	25.1
14	AFU058	9A5	TRẦN BÌNH MINH	16/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.2	6.7	8.8	0	22.7
15	AFU00M	9A5	HỒ ĐÌNH NHÂN	11/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	6.5	5.6	0	18.4
16	AFU05B	9A5	NGUYỄN HUỲNH NHÂN	12/09/2006	Đồng Tháp	NAM	AV	6.7	5.8	5.9	0	18.4
17	AFU0N2	9A5	VÕ TRẦN HIẾU NHÂN	07/06/2006	Tp.HCM	NAM	AV	8	7.6	8.5	0	24.1
18	AFU05C	9A5	ĐINH THỊ XUÂN NHI	05/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	7.7	6.1	0	20.4

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU05E	9A5	VŨ THỊ QUỲNH NHƯ	15/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	7.4	7.3	0	21.5
20	AFU05F	9A5	MÃ NGỌC KIM OANH	21/12/2006	Tiền Giang	NỮ	AV	6.7	8.1	6.9	0	21.7
21	AFU05H	9A5	PHAN HỮU PHÚC	15/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	8	8.2	0	24.2
22	BFU0D3	9A5	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	01/10/2006	Tp.HCM	NỮ	AV	6.9	8.7	7.5	0	23.1
23	AFU05N	9A5	ĐẶNG VĂN THUẬN	12/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7.4	7.7	0	22.7
24	AFU05R	9A5	NGUYỄN HOÀNG BÍCH TRÂM	23/02/2005	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	8	7.1	0	22
25	AFU05T	9A5	NGUYỄN HÀ ANH TUẤN	09/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7	6.8	0	21.4
26	AFU05U	9A5	NGUYỄN LÂM MỸ TUYỀN	13/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	7.8	7.4	0	23.5
27	AFU03I	9A5	NGUYỄN THÙY VY	12/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.4	8.2	0	23.8
28	AFU05X	9A5	NGUYỄN HOÀNG KIM XUÂN	22/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	7.8	7.6	0	22.5
29	AFU03J	9A5	VŨ NGUYỄN NHƯ Ý	20/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.1	6.5	0	21.8

Tổng cộng có tất cả: 29 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU096	9A6	ĐẶNG KIM ANH	10/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.8	8.4	8.8	0	26
2	AFU098	9A6	ĐỖ NHẬT ANH	21/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.7	7.9	9	0	25.6
3	AFU05Z	9A6	NGUYỄN THÁI ÂN	14/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.5	7.8	0	23.4
4	AFU065	9A6	HOÀNG KỶ DUYÊN	11/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.7	7.7	7.9	0	24.3
5	AFU09H	9A6	HỒ PHÁT ĐẠT	11/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7	7.7	7.4	0	22.1
6	AFU09I	9A6	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	30/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	7.7	8.5	0	23.5
7	AFU04U	9A6	TRẦN GIA HÂN	21/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	8.1	7.7	0	22.5
8	AFU08E	9A6	PHẠM HUY HOÀNG	08/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	7.6	8.2	0	21.7
9	AFU09R	9A6	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	30/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	7.6	7.9	0	23
10	AFU07D	9A6	LÝ BÁ KHOA	24/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7	8	7.3	0	22.3
11	AFU08G	9A6	NGUYỄN HÀ MINH KHÔI	24/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	7.1	6.3	0	19.3
12	AFU054	9A6	TẮT NGŨ CHÍ LÂM	13/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	7.6	8	1	24.6
13	AFU06G	9A6	PHAN THỊ THANH NGÂN	04/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	6.5	5.5	0	18.5
14	AFU07H	9A6	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	13/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	7.5	7.3	0	21.9
15	AFU09Y	9A6	NGUYỄN HOÀNG BẢO NHI	05/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.9	7.8	9	0	25.7
16	AFU06J	9A6	TRẦN LÊ TUYẾT NHI	10/06/2006	Bệnh viện Gò Công	NỮ	AV	7.1	7.8	7.4	0	22.3
17	AFU08Q	9A6	LÊ TÂN QUỐC	11/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.3	6.4	6.1	0	17.8
18	AFU08T	9A6	NGUYỄN THỊ KIM TÀI	23/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4.9	6.2	5.1	0	16.2

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU06Q	9A6	NGUYỄN MINH THIÊN	18/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	4.8	7.2	5.1	0	17.1
20	AFU0A2	9A6	VƯƠNG QUỐC THUẬN	26/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.9	8.6	0	24.6
21	AFU06S	9A6	LONG NGỌC THÚY	14/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	6.9	5.9	1	19.3
22	AFU0A6	9A6	HUỲNH THỊ KIM THƯ	22/07/2004	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	8.5	8.1	0	23.8
23	AFU08W	9A6	PHẠM NGỌC HOÀI THƯƠNG	01/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.8	8.3	7.8	0	23.9
24	AFU0A9	9A6	NGUYỄN HUỲNH TÚ TRINH	11/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	7.6	7.8	0	22.9
25	AFU07Z	9A6	NGUYỄN NGỌC TUẤN	26/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	7.1	6.8	0	19.8
26	AFU08Z	9A6	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYẾT	28/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	6.9	6.4	0	19.5
27	AFU092	9A6	ĐỖ NGỌC KHÁNH VY	06/06/2006	Vĩnh Long	NỮ	AV	8.7	7.9	8.5	0	25.1
28	AFU081	9A6	TRẦN THỊ THÚY VY	02/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.5	7.3	7.1	0	20.9

Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU05Y	9A7	MAI NGUYỄN THÚY ANH	31/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.2	6.8	6.8	0	18.8
2	AFU097	9A7	NGUYỄN LÊ HOÀI ANH	06/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	7.8	6.7	0	21.8
3	AFU086	9A7	PHẠM HỒNG BẢO ANH	27/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	7.4	6.7	0	21.2
4	AFU088	9A7	HUỲNH TUẤN ĐẠT	11/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.3	6.3	6.2	0	18.8
5	AFU08A	9A7	HỒ TRẦN THANH HẬU	22/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.5	4.6	0	17.7
6	AFU08B	9A7	ĐẶNG MINH HIẾU	19/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.2	8	7.5	0	23.7
7	AFU079	9A7	TRẦN QUỐC HÙNG	11/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	6.2	8.3	1	20.6
8	AFU07B	9A7	ĐÀO DUY KHANG	18/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	5.9	4.6	0	16.4
9	AFU09S	9A7	BÙI TRẦN MINH KHUÊ	09/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.5	8.9	8.7	0	26.1
10	AFU09T	9A7	NGUYỄN TRẦN HOÀNG LÂM	20/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	7.6	7.5	0	20.6
11	AFU07E	9A7	NGUYỄN TRÂM YẾN LINH	19/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.1	6.3	4.7	0	16.1
12	AFU06H	9A7	ĐÀO THỊ KIM NGỌC	23/02/2006	Bến Tre	NỮ	AV	6	7.1	6	0	19.1
13	AFU09X	9A7	MẠCH GIA NGUYỄN	20/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	7.8	7.2	1	23.1
14	AFU07L	9A7	NGUYỄN VÕ QUỲNH NHƯ	05/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.6	8.2	7	0	22.8
15	AFU09Z	9A7	HỒ GIA PHÁT	24/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	7.7	7.2	0	20.8
16	AFU07R	9A7	NGUYỄN VÕ NGỌC TÂM	28/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	7.9	5.9	0	19.3
17	AFU06N	9A7	PHAN VĂN TÂM	18/09/2004	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.5	6.7	7.6	0	19.8
18	AFU08V	9A7	NGUYỄN HUỲNH PHÚC THỊNH	19/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	5.1	4.9	0	15.1

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU010	9A7	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	01/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	7.6	8.1	0	22.3
20	AFU06T	9A7	NGUYỄN TRẦN THÚY TIÊN	24/07/2005	Tiền Giang	NỮ	AV	5.1	6.4	5.8	0	17.3
21	AFU08Y	9A7	TIÊU TRÍ TOÀN	09/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	7.5	6.6	0	22.1
22	AFU0AA	9A7	NGUYỄN HOÀI THANH TRÚC	22/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.3	8.1	7.4	0	21.8
23	AFU095	9A7	NGUYỄN MINH TRUNG	05/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.3	8.2	9.7	0	27.2
24	AFU03G	9A7	NGUYỄN DIỆP TÚ UYÊN	01/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.2	7.2	7.5	0	19.9
25	AFU093	9A7	HỒ THÚY VY	26/07/2006	Cần Thơ	NỮ	AV	5.5	8.1	6.3	0	19.9

Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU0AF	9A8	TÔ NHẬT MINH ANH	18/08/2006	Tp. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.4	8.6	8	0	24
2	AFU060	9A8	PHẠM HOÀNG BẢO	05/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5	7.8	8	0	20.8
3	AFU087	9A8	ĐỖ NGỌC CHÂU	15/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	8	6.5	0	21.2
4	AFU061	9A8	HUỖNH CÔNG DANH	16/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	6.8	8.1	0	22.2
5	AFU074	9A8	BÙI LÊ HOÀNG DUY	14/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	6.3	3.5	0	14.9
6	AFU09J	9A8	AHMATH FARILDA	03/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	8.3	8.2	1	24.2
7	AFU067	9A8	LÊ HOÀNG TRƯỜNG GIANG	07/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	7.7	7.4	0	22.4
8	AFU09M	9A8	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	04/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.5	6.1	0	19.2
9	AFU08D	9A8	NGUYỄN HUY HOÀNG	25/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.4	8.6	0	25.1
10	AFU06B	9A8	VÕ THÀNH KHANG	10/02/2006	An Giang	NAM	AV	5.1	6.9	5.1	0	17.1
11	AFU07C	9A8	HUỖNH QUANG KHANH	20/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	7	5.7	1	18.9
12	AFU08I	9A8	NGUYỄN HOÀNG LỘC	06/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	5.7	5	0	16.8
13	AFU06F	9A8	GIANG THANH MAI	09/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.4	7.5	6.6	1	22.5
14	AFU09U	9A8	LÝ HOÀN MẪN	15/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.2	5.2	0	18
15	AFU09V	9A8	NGUYỄN QUANG MINH	07/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.7	6.9	8	0	20.6
16	AFU0N0	9A8	NGUYỄN TRẦN THẢO NGHI	14/10/2005	Tp.HCM	NỮ	AV	5	6.8	4.6	0	16.4
17	AFU06I	9A8	LÂM BẢO NHI	26/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	8	6.7	1	21.9
18	AFU06K	9A8	NGUYỄN HUỖNH ANH PHÁT	28/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.8	7	5.2	0	18

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	A9F0AK	9A8	TRẦN BÁ PHONG	15/12/2006	Tp.HCM	NAM	AV	7.8	7	7.5	0	22.3
20	AFU08P	9A8	NGÔ HUỲNH YẾN PHỤNG	28/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.7	7.2	5.2	0	19.1
21	AFU07Q	9A8	TRẦN VĂN QUÝ	10/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.2	6.3	6.5	0	20
22	AFU08S	9A8	NGUYỄN THỊ NHƯ' QUỲNH	10/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.1	7.5	5.1	0	17.7
23	AFU07S	9A8	TRẦN NGUYỄN NGỌC TÂN	07/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5	7.7	5.6	0	18.3
24	AFU06O	9A8	NGUYỄN NHƯ' THÁI	04/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	4	6.6	5	0	15.6
25	AFU06P	9A8	NGUYỄN THANH THẢO	14/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.3	6.7	0	23
26	AFU0A5	9A8	NGUYỄN MAI ANH THU'	02/02/2006	Quảng Nam	NỮ	AV	8.2	8.7	8.1	0	25
27	AFU07X	9A8	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	05/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.5	7	5.1	0	17.6
28	AFU0N4	9A8	HUỲNH NGỌC TRÂM	29/05/2006	Tp.HCM	NỮ	AV	8.6	8.5	8.8	0	25.9
29	AFU026	9A8	VÕ HOÀNG TRÍ	18/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.2	7.2	6.8	0	20.2
30	AFU0AB	9A8	ĐẶNG THANH TUẤN	31/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.5	7.4	8.1	0	23
31	AFU0N6	9A8	HOÀNG THỊ HỒNG TƯƠI	27/09/2006	Thái Bình	NỮ	AV	6.9	8.7	6.9	0	22.5
32	AFU06X	9A8	LÂM TƯỜNG VY	15/04/2006	Sóc Trăng	NỮ	AV	5.1	7.1	5.5	0	17.7
33	AOE049	9A8	ĐOÀN NGỌC NHƯ' Ý	05/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	7.8	7.7	0	22.5
34	AFU094	9A8	VÕ XUÂN YẾN	04/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.3	7.3	4.1	0	16.7

Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AFU06Z	9A9	LÊ ĐỖ THÁI ANH	17/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.7	7.8	8.6	0	24.1
2	AFU073	9A9	NGUYỄN THÀNH DANH	26/05/2006	Bạc Liêu	NAM	AV	5.4	6.1	5.6	0	17.1
3	AFU064	9A9	ĐÌNH THỊ NGỌC DUNG	04/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.1	8.1	7.1	0	21.3
4	AFU09B	9A9	LÝ KIM DUNG	31/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.3	8.4	8.3	1	25
5	AFU09D	9A9	NGUYỄN QUANG DŨNG	15/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.9	7.4	9	0	24.3
6	AFU09E	9A9	NGUYỄN CHÍ DUY	30/09/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.2	6.4	5	0	16.6
7	AFU075	9A9	TRẦN THỦY DƯƠNG	08/06/2006	Vĩnh Long	NỮ	AV	5.7	7.1	5.8	1	19.6
8	AFU09L	9A9	ĐÌNH NGUYỄN BẢO HÂN	06/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	8.1	8.9	0	23.8
9	AFU09O	9A9	NGUYỄN VIỆT HIẾU	05/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.1	6.4	6.9	0	19.4
10	AFU09N	9A9	TRẦN THỊ NHƯ HIẾU	31/07/2006	Quảng Ngãi	NỮ	AV	5	7	6	0	18
11	AFU06A	9A9	LÊ NGỌC BÍCH HOÀI	04/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	3.5	7.1	3.5	0	14.1
12	AFU09Q	9A9	PHẠM LÊ HUY HOÀNG	02/03/2006	Thừa Thiên Huế	NAM	AV	7.3	8.2	8.6	0	24.1
13	AFU01H	9A9	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG KHOA	31/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.9	7.2	5.4	0	18.5
14	AFU06E	9A9	TRẦN NGUYỄN LỘC	16/03/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	5.4	4.2	0	14.7
15	AFU08J	9A9	LÊ THỊ HÀ MI	17/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	7.2	5.1	1.5	19.8
16	AFU08K	9A9	VĂN TRƯƠNG CHÍ MINH	24/02/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.8	7.5	5.9	0	19.2
17	AFU08O	9A9	ĐỖ TRẦN XUÂN NHI	12/07/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	8.1	6.5	0	21.4
18	AFU07J	9A9	NGUYỄN HỒNG NHI	15/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5	7.5	5	0	17.5

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

19	AFU06L	9A9	NGUYỄN ĐẠT GIA PHÚ	06/08/2006	Vĩnh Long	NAM	AV	6.2	5.3	5.2	0	16.7
20	AFU0A0	9A9	TRỊNH TẤN PHÚ	08/11/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.7	6.5	7.7	0	20.9
21	AFU06M	9A9	TRẦN NAM QUANG	15/05/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.4	7.1	7	1	21.5
22	AFU08R	9A9	NGUYỄN HUỲNH NGỌC QUÝ	03/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.5	8.1	7.7	0	23.3
23	AFU07T	9A9	HUỲNH BẢO THÀNH	06/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.1	6.3	6.3	1	18.7
24	AFU07U	9A9	TIỀN CHÍ THÀNH	30/04/2006	Quy Nhơn	NAM	AV	7.4	6.6	7.1	1	22.1
25	AFU08U	9A9	TRẦN THỊ TẤN THẢO	02/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5.6	7.1	6.5	0	19.2
26	AFU0A3	9A9	LÊ NGỌC THUY	19/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	8.4	8.1	0	23.1
27	BFU0D4	9A9	PHAN THỊ THANH THÚY	20/04/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.9	7.3	7	0	21.2
28	AFU0A4	9A9	VÕ HUỲNH MINH THƯ	25/01/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.2	8.4	7.2	0	21.8
29	AFU06U	9A9	VÕ DUY TIỀN	26/06/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	5.4	5.7	5.5	0	16.6
30	AFU07W	9A9	TRẦN HOÀNG MAI TRANG	08/03/2006	Bến Tre	NỮ	AV	6	7.2	6.2	0	19.4
31	AFU0A8	9A9	HUỲNH THỊ BẢO TRÂN	28/12/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8	8.7	8.9	0	25.6
32	AFU0AC	9A9	ÔNG QUANG VINH	14/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.9	8.3	8.4	0	23.6
33	AFU080	9A9	ĐÀO GIA TƯỜNG VY	24/08/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.1	8.4	8	0	23.5
34	AFU0AE	9A9	TÔNG TRƯỞNG TƯỜNG VY	13/10/2006	Tp Hồ Chí Minh	NỮ	AV	5	6.9	6	0	17.9

Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Trường: THCS CHI LĂNG

Ngày giờ in kiểm dò: 06/08/2021 05:40:54

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyên vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)